TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **434**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2022
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Sang

2. Bà Nguyễn Thị Mai Khanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đàm Thị Ngọc Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tuyền – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2021 về việc "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Huỳnh Thị Thu T,** sinh năm: 1993;

Địa chỉ: ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Đặng Anh T1,** sinh năm: 1990;

Địa chỉ: ấp CH, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T, anh T1 cùng xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Huỳnh Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Đặng Anh T1 sống với nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2013 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2013 và hiện nay mỗi người sống một nơi, không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị xin khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn anh Đặng Anh T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Huỳnh Duy K, sinh ngày 24/4/2012 hiện cháu đang ở chung với chị và cháu đang được tôi chăm sóc, học tập bình thường. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con vì Chị T đủ khả năng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn - anh Đặng Anh T1 trình bày trong bản tự khai thống nhất với lời trình bày của chị Huỳnh Thị Thu T về quá trình kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 đồng ý ly hôn chị Huỳnh Thị Thu T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Huỳnh Duy K, sinh ngày 24/4/2012 hiện cháu đang ở chung với Chị T nên anh thống nhất Chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Thu T, cho Chị T được ly hôn với anh Đặng Anh T1; Về con chung: Giao con chung tên Đặng Huỳnh Duy K, sinh ngày 24/4/2012 cho chị Huỳnh Thị Thu T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đặng Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét do không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – chị Huỳnh Thị Thu T, bị đơn – anh Đặng Anh T1 đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Huỳnh Thị Thu T và anh Đặng Anh T1 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 19/6/2012, như vậy Chị T và anh T1 có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Thu T và anh Đặng Anh T1 là hợp pháp.

[2.1.2] Chị T, anh T1 cùng thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã ly thân nhau từ đầu năm 2013 cho đến nay, hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

[2.1.3] Lời trình bày của Chị T, anh T1 phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Chị T và anh T1 ly thân nhau đã lâu, không còn tình nghĩa vợ chồng thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T.

[2.2] Về con chung: Chị Huỳnh Thị Thu T và anh Đặng Anh T1 có 01 con chung tên Đặng Huỳnh Duy K, sinh ngày 24/4/2012, hiện cháu Duy Khang đang được Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T1 thống nhất để Chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời nguyện vọng cháu K là được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và phát triển bình thường của trẻ, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của Chị T là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Huỳnh Thị Thu T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang là có cơ sở, phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Huỳnh Thị Thu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thu T được ly hôn với anh Đặng Anh T1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Huỳnh Duy K, sinh ngày 24/4/2012. Giao cháu Đặng Huỳnh Duy K cho chị Huỳnh Thị Thu T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do người trực tiếp nuôi con không yêu cầu.

Anh Đặng Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Thu T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu số 0003629 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND H. Châu Thành-TG;
- THADS H. Châu Thành-TG;
- UBND xã Thân Cửu Nghĩa-H.Châu Thành-TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Mai Thanh